hinelearn

SỔ NGHE – CHÉP · NGHE HIỂU N1

Năm đầu đi làm, *đôi tai N1*

Tai người đi làm	tháng Tư–Năm	4
Hiểu yêu cầu và điểm chính	tháng Sáu–Bảy	4
Ý chính, bài giảng, tin tức	tháng Tám–Chín	3
Đáp nhanh	tháng Mười	3
Nghe tổng hợp	tháng Mười Một	4
Hai đề nghe thử		2

Mỗi bài một mẹo nghe, một phiếu nghe để tô và ghi chú, một đoạn chép chính tả. Nghe trên web (giọng máy, chặng đầu chậm hơn đề thật, tăng dần tới tốc độ đề), viết ở sổ; hai đề thử cuối sổ có phiếu tô đáp án.

BÀI NGHE	CÂU ĐỀ CÓ PHIẾU	CÂU CHÉP CHÍNH TẢ	CÂU ĐỀ THỬ
13	128	13	60

Nghe từng câu, mở lời thoại có nghĩa, miễn phí, không cần đăng nhập:

hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1

CÁCH DÙNG SỔ

Nghe ở web, *viết ở sổ*

PDF không phát được tiếng. Mỗi bài trong sổ có mã QR và đường dẫn tới bài cùng tên: mở, bấm Nghe, rồi quay lại sổ ghi và tô.

Nghe một lần

Đề thật không cho nghe lại. Bấm Nghe trên web đúng một lần, ghi và tô ngay trong lúc nghe.

Tô số, ghi chú

Mỗi câu có các ô số ứng với lựa chọn. Tô ô bạn chọn; ô ghi chú để bạn viết số, giờ, tên, từ khoá nghe được.

Chép rồi mới lật

Chép chính tả câu mẫu trước. Lời thoại in ngược cuối trang: chép xong mới lật sổ để so.

MỤC LỤC trang theo sổ này

Tai người đi làm
tháng Tư–Năm

Bài mở	Đề nghe N1 khác N2 chỗ nào	3
Bài 1	Nghe chỉ thị ở chỗ làm	4
Bài 2	Kính ngữ và lời nói vòng khi nghe	6
Ôn 1	Ôn 1	8

Hiểu yêu cầu và điểm chính
tháng Sáu–Bảy

Bài 3	Hiểu yêu cầu (かだいりかい)	9
Bài 4	Hiểu điểm chính (ポイントりかい)	11
Bài 5	Lý do, điều kiện trong lời nói nhanh	13
Ôn 2	Ôn 2	15

Ý chính, bài giảng, tin tức
tháng Tám–Chín

Bài 6	Hiểu ý chính (がいようりかい)	16
Bài 7	Nghe bài giảng, thuyết trình	18
Bài 8	Nghe tin tức, phỏng vấn	20

Đáp nhanh
tháng Mười

Bài 9	Đáp nhanh (そくじおうとう)	22
Bài 10	Đáp câu nói vòng, mỉa mai	24
Ôn 3	Ôn 3	26

Nghe tổng hợp
tháng Mười Một

Bài 11	Nghe tổng hợp 1: ba người bàn (とうごうりかい)	27
Bài 12	Nghe tổng hợp 2: thông tin rồi hai người chọn	29
Bài 13	Ghi chú khi nghe dài	31
Ôn 4	Ôn 4	33

Hai đề nghe thử

Đề thử 1	Đề nghe thử 1	34
Đề thử 2	Đề nghe thử 2	35

MỞ

Mở

CHẶNG 1 · TAI NGƯỜI ĐI LÀM

Đề nghe N1 khác N2 chỗ nào

聞き取れなくても、すぐに次の問題に気持ちを切り替える。 — Có nghe sót cũng phải chuyển sang câu sau ngay.

ĐỀ NGHE CÓ GÌ 55 phút

DẠNG	TÊN NHẬT	SỐ CÂU	LÀ GÌ
Hiểu yêu cầu	課題理解	5	Nghe câu hỏi trước, nghe hội thoại, chọn việc người đó phải làm. Bốn lựa chọn in sẵn.
Hiểu điểm chính	ポイント理解	6	Nghe câu hỏi, có khoảng 20 giây đọc bốn lựa chọn, rồi mới nghe hội thoại. Hay hỏi lý do, điều lo nhất.
Hiểu ý chính	概要理解	5	Không biết trước câu hỏi, không in lựa chọn: nghe cả đoạn rồi mới nghe câu hỏi và bốn lựa chọn.
Đáp nhanh	即時応答	11	Nghe một câu ngắn, chọn câu đáp hợp trong ba câu nghe được. Tờ đề không in gì.
Nghe tổng hợp	統合理解	3	Đoạn dài nhất: ba người bàn với nhau, hoặc nghe một đoạn thông tin rồi chọn theo ý từng người.

1. Phần nghe 55 phút nằm riêng, sau phần kiến thức ngôn ngữ và đọc (110 phút). Điểm nghe tối đa 60, phải từ 19 điểm.
2. Khác N2: cùng năm dạng, nhưng lời nói ở tốc độ tự nhiên, dài hơn, nhiều kính ngữ và câu nói vòng. Tổng khoảng 30 câu, đáp nhanh nhiều câu nhất.
3. Mỗi câu chỉ nghe một lần. Số câu từng dạng theo nguồn phụ, có thể lệch giữa các kỳ thi.

MẸO NGHE

Nghe sót một câu, đừng mất thêm câu sau

Khác N2: lời nói tốc độ tự nhiên, dài hơn, nhiều kính ngữ và câu nói vòng. Nghe được từng từ chưa đủ — phải theo kịp ý, và biết bỏ đúng lúc.

1. Câu 1 và 2: đọc câu hỏi (và lựa chọn) trước, biết mình cần nghe gì rồi mới nghe.
2. Đáp nhanh và hiểu ý chính không có câu hỏi in sẵn: giữ đầu óc trống, nghe tới hết rồi mới chọn.
3. Nghe tổng hợp: nhớ ai thích gì, ai gạt gì; câu chốt thường ở người nói cuối.
4. Nghe sót một câu thì chọn bừa rồi bỏ, đừng để mất cả câu sau.

即時応答は、問題用紙に何も書いていない。

Phần đáp nhanh, tờ đề không in gì cả. Chỉ có tai của bạn.

聞き取れなくても、すぐに次の問題に気持ちを切り替える。

Có nghe sót cũng phải chuyển sang câu sau ngay — câu sau mới là câu còn cứu được.

あ、じゃなくて。

À không — ý vừa nói bị bỏ. N1 đổi ý nhanh như vậy ngay trong câu đầu.

Hine: Câu đầu đề mẫu, mình nghe được từng từ mà vẫn không biết việc nào làm trước. Nghĩ mãi câu đó, mình lỡ luôn câu sau — từ hôm ấy mình tập chọn bừa rồi bỏ.

PHIẾU NGHE mỗi dạng một câu thử

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
2	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
3	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
4	Đáp nhanh	1 2 3	
5	Nghe tổng hợp	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/de-nghe-n1-khac-n2**

BÀI 1

CHẶNG 1 · TAI NGƯỜI ĐI LÀM

Nghe chỉ thị ở chỗ làm

先(さき)にバスの手配(てはい)、それからホテルに連絡(れんらく)しといて。 — Lo xe buýt trước, rồi liên lạc khách sạn sẵn nhé. (しといて là cách nói tắt của しておいて · làm sẵn)

MẸO NGHE

Ghi ba cột, gạch ngay việc bị đổi

Sếp giao việc không theo thứ tự làm, còn sửa giữa chừng. Lời sửa giữa chừng: じゃなくて (à không), やっぱり (thôi thì), というか (hay đúng hơn) báo hiệu ý trước bị bỏ.

1. Ghi theo ba cột: ai, làm gì, khi nào; gạch ngay việc bị đổi.
2. Lời đệm えーと, あのー (ờ, à) không mang ý: bỏ qua.
3. Việc "để sau cũng được" (〜でいい, あとでいい) và việc người khác làm: gạch luôn, chỉ giữ việc của mình.
4. Nghe hết lời sửa cuối cùng rồi mới chốt: lời sửa có thể đến lần thứ hai.

やっぱり、ホテルは後(あと)でいいや。先(さき)に名簿(めいぼ)を確認(かくにん)して。

Thôi, khách sạn để sau cũng được. Kiểm danh sách khách trước đi. — やっぱり gạt việc cũ, さきに đẩy việc mới lên đầu.

五十枚(ごじゅうまい)……というか、四十枚(よんじゅうまい)でいいか。

50 tờ... hay đúng hơn, 40 tờ là được. — というか thay con số trước.

休憩(きゅうけい)が先(さき)、両替(りょうがえ)が後(あと)ですね。

Nghỉ trước, đổi tiền sau ạ. — nói lại thứ tự để sếp xác nhận.

Hine: Mình chép lại cả cuộc gọi thành ba cột trên tờ giấy nháp. Gạch tới ba việc, cái còn lại mới đúng là việc của mình.

PHIẾU NGHE 5 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu yêu cầu Số khách tăng thêm ba người.	1 2 3 4	
2	Hiểu yêu cầu Trưởng nhóm dặn in bảng tên cho đoàn.	1 2 3 4	
3	Hiểu yêu cầu Trưởng nhóm sắp xếp việc ở sân bay lúc đoàn tới.	1 2 3 4	
4	Hiểu yêu cầu Trưởng nhóm nhắc chuyện báo giá cho đoàn.	1 2 3 4	
5	Hiểu yêu cầu Trưởng nhóm nói ai lo việc gì với người phiên dịch.	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/nghe-chi-thi-o-cho-lam**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI
Ờ, Hine này, chuyện ngày mùng 4 ấy. Lo xe buýt trước, rồi liên lạc khách sạn sẵn nhé.

HINE
Vâng, em hiểu rồi ạ.

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI
À, danh sách khách xong rồi nhỉ?

HINE
Vâng, hôm qua em làm xong rồi ạ.

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI
Vậy bảng tên để mai cũng được.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI ええと、ヒネさん、四日(よっか)の件(けん)だけど。先(さき)にバスの手配(てはい)、それから ホテルに連絡(れんらく)しといて。

HINE かしこまりました。

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI あ、名簿(めいぼ)はもうできてるよね？

HINE はい、昨日(きのう) 完成(かんせい)しました。

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI じゃ、名札(なふだ)は明日(あした)でいいから。

BÀI 2

CHẶNG 1 · TAI NGƯỜI ĐI LÀM

Kính ngữ và lời nói vòng khi nghe

「考えておきます」は、たいてい断りの意味だ。 — "Để tôi suy nghĩ" thường có nghĩa là từ chối.

MẸO NGHE

Sau lớp kính ngữ, tìm chữ "không"

Người Nhật ít khi nói thẳng いいえ với khách. Câu bỏ lửng sau ちょっと (hơi...), なかなか (khó mà...) gần như luôn là "không".

1. まえむきに　けんとうします (sẽ xem xét tích cực) có khi chỉ là lời lịch sự: nghe tiếp câu sau mới biết.
2. Kính ngữ dài không làm ý dài thêm: tìm động từ chính ở cuối câu.
3. Câu mở bằng "thường thì..." (つうじょうは) chưa chắc là từ chối: nghe tới cuối, có khi đầu câu khó mà cuối câu nhận.
4. ちょっとおまちください (xin chờ một chút) không phải lời từ chối — ちょっと đứng trước động từ thì chỉ là "một chút".

その日はちょっと…。

Ngày đó thì hơi... (tức là không được). Câu bỏ dở chính là câu trả lời.

「考えておきます」は、たいてい断りの意味だ。

"Để tôi suy nghĩ" thường có nghĩa là từ chối — nhất là khi không hẹn ngày trả lời.

月末までに具体的な数字をお出しします。

Cuối tháng tôi gửi con số cụ thể. — có hẹn ngày, có việc cụ thể: "xem xét" thật, chưa quyết.

Hine: Ra khỏi phòng mình hỏi chị Kimura: "Vậy là được hả chị?" Chị cười: "Không được, nhưng họ muốn mình hỏi ngày khác." Từ đó mình nghe câu bỏ lửng là ghi ngay một dấu ✗.

PHIẾU NGHE 6 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu điểm chính Chị Kimura xin bớt giá thuê xe.	1 2 3	
2	Hiểu điểm chính Chị Kimura hỏi giữ cùng điều kiện cho đoàn tháng Chín.	1 2 3	
3	Hiểu điểm chính Chị Kimura xin thêm một micro trên xe.	1 2 3	
4	Hiểu điểm chính Hine gọi điện hỏi cho xe xuất phát sớm hơn.	1 2 3	
5	Hiểu điểm chính Chị Kimura hỏi giá giảm nếu ký hợp đồng cả năm.	1 2 3	
6	Hiểu điểm chính Chị Kimura hỏi cho hướng dẫn viên đi cùng xe.	1 2 3	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/kinh-ngu-va-loi-noi-vong**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

CHỊ KIMURA

Chúng tôi muốn nhờ bên anh hai xe lớn từ mùng 1 đến mùng 3 tháng Tám.

NHÂN VIÊN

Đầu tháng Tám ạ. Năm nào cũng được khách ưa chuộng lắm, nên lịch đó thì hơi...

CHỊ KIMURA

Vậy ạ...

NHÂN VIÊN

Nếu từ giữa tháng trở đi thì tôi nghĩ bên tôi chuẩn bị được ạ.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

CHỊ KIMURA はちがつついたち　みっか　おおがた　にだい　ねがう　おも
八月一日から三日まで、大型バスを二台お願いできないかと思いまして。

NHÂN VIÊN はちがつ　はじ　まいとし　こうひょう　にっこうい
八月の初めでございますか。毎年たいへんご好評をいただいておりまして、その日程でございますと、ちょっ

CHỊ KIMURA
と……。

NHÂN VIÊN
そうですか……。

ちゅうじゅんいこう　よういん　ご用意できるかと存じますが。
中旬以降でしたら、ご用意できるかと存じますが。

ÔN 1

CHẶNG 1 · TAI NGƯỜI ĐI LÀM

Ôn 1

聞きながらメモを取る 習慣 が、少しずつ身についてきた。 — Thói quen vừa nghe vừa ghi đã dần thành nếp.

CÁC MẸO ĐÃ HỌC đọc lại trước khi nghe

Ghi bằng ký hiệu

Bộ ký hiệu gợi ý: → phải làm, ✗ huỷ, ↔ đổi, ? chưa quyết, ⏰ hạn.

Chỉ ghi điều được chốt

最後に決まったことだけを書けばいい。 — Chỉ cần ghi điều được chốt sau cùng.

Lời sửa giữa chừng

じゃなくて (à không), やっぱり (thôi thì), というか (hay đúng hơn): ý trước bị bỏ, gạch ngay.

Việc để sau, việc của người khác

〜でいい, 後でいい (để sau cũng được), 〜さんにお願いしてある (đã nhờ người khác): không phải việc làm trước tiên.

Câu bỏ lửng

ちょっと....., なかなか..... gần như luôn là "không"; 考えておきます không hẹn ngày cũng vậy. Có hẹn ngày, có việc cụ thể thì là "chưa quyết".

PHIẾU NGHE 10 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
2	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
3	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
4	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
5	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
6	Hiểu điểm chính	1 2 3	
7	Hiểu điểm chính	1 2 3	
8	Hiểu điểm chính	1 2 3	
9	Hiểu điểm chính	1 2 3	
10	Hiểu điểm chính	1 2 3	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-1-ghi-bang-ky-hieu**

BÀI 3

CHẶNG 2 · HIỂU YÊU CẦU VÀ ĐIỂM CHÍNH

Hiểu yêu cầu (かだいりかい)

私(わたし)がまず　やらなければ　ならないのは、見積(みつも)りの 修正(しゅうせい) だ。 — Việc mình phải làm trước tiên là sửa bản báo giá.

MẸO NGHE

Gạch ba việc, còn lại một việc

Đề hiểu yêu cầu cho bốn lựa chọn đều có mặt trong bài. Đọc lướt 4 lựa chọn in sẵn trước khi nghe — rồi vừa nghe vừa gạch.

1. Gạch ngay việc đã làm rồi (もう〜てある · đã... sẵn) và việc người khác làm (〜さんがやってくれる · ... làm giúp).
2. まず (trước hết), そのまえに (trước đó) đổi thứ tự: nghe kỹ chỗ này.
3. Việc "tuần sau cũng được" (〜でいい) gạch luôn — không phải việc làm trước tiên.
4. Câu hỏi hỏi việc của AI: nghe tên (ヒネさんは, きむらさん) trước câu giao việc.

それはもう田中(たなか)さんがやってくれたから。

Việc đó Tanaka làm giúp rồi. — もう + やってくれた: gạch lựa chọn đó.

私(わたし)がまず　やらなければ　ならないのは、見積(みつも)りの 修正(しゅうせい) だ。

Việc mình phải làm trước tiên là sửa bản báo giá. — câu trả lời y như câu hỏi của đề.

その前(まえ)に、去年(きょねん)のボードを見(み)てきて。

Trước đó, đi xem tấm bảng năm ngoái đã. — そのまえに đẩy một việc lên đầu.

Hine: Năm việc anh Hayashi kể, mình gạch hai việc của Tanaka, một việc của chị Kimura, một việc tuần sau. Còn lại đúng một — sửa báo giá. Đề N1 cũng chỉ cần vậy.

PHIẾU NGHE 5 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
2	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
3	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
4	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
5	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/hieu-yeu-cau**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI

Chuyện tour sinh viên tháng Bảy. Đặt nhà hàng và gửi lịch trình cho trường... việc đó Tanaka làm giúp rồi. Bảo hiểm thì anh đã nhờ chị Kimura.

HINE

Vâng. Còn buổi họp với trường thì làm thế nào ạ?

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI

Cái đó tuần sau cũng được. Em thì — sinh viên tăng năm người — trước hết sửa báo giá. Chiều nay anh gửi cho bên trường.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI 七月の学生ツアーの件。レストランの予約と、学校への 日程表 ……それは も う田中さんがやってくれたから。保険は木村さんにお願いしてある。

HINE はい。学校との打ち合わせは、いかがいたしましょうか。

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI それは来週でいい。ヒネさんは、学生が五人増えたから、まず見積りを直して。午後、先方に出すか

BÀI 4

CHẶNG 2 · HIỂU YÊU CẦU VÀ ĐIỂM CHÍNH

Hiểu điểm chính (ポイントりかい)

心配(しんぱい) なのは暗記(あんき)じゃなくて、法律(ほうりつ) の 問題(もんだい) なんだよね。 — Cái mình lo không phải học thuộc mà là phần luật.

MẸO NGHE

Điều bị hỏi đến sau cùng

Dạng hiểu điểm chính đọc câu hỏi trước rồi cho khoảng 20 giây đọc lựa chọn. Trong 20 giây đọc lựa chọn: gạch chữ khác nhau giữa 4 lựa chọn.

1. Điều được hỏi thường đến sau ただ (có điều), でも (nhưng), じつは (thật ra).
2. Ba lựa chọn sai đều có nhắc trong bài: đừng chọn chỉ vì "có nghe thấy".
3. Nghe chữ gạt: ～じゃなくて, ～わけじゃない (không phải...) — điều đứng trước bị loại.
4. Câu hỏi hỏi lý do của AI, lo điều gì của AI: nghe đúng người đó, đừng lẫn với người hỏi.

理由(りゆう)を聞(き)かれたら、「でも」「ただ」の後(あと)をよく聞(き)く。

Bị hỏi lý do thì nghe kỹ phần sau でも (nhưng), ただ (có điều).

心配(しんぱい)なのは暗記(あんき)じゃなくて、法律(ほうりつ)の問題(もんだい)なんだよね。

Cái mình lo không phải học thuộc mà là phần luật. — một câu vừa gạt, vừa nói điều thật.

会社(かいしゃ)に言(い)われたわけじゃ　ないんです。

Không phải công ty bảo em đâu. — lý do bị gạt bằng ～わけじゃない.

Hine: Nakamura than học thuộc mãi, mình suýt nghĩ đó là nỗi lo. Đến chữ ただ mới thật. Từ hôm đó, nghe ただ là mình dỏng tai vào.

PHIẾU NGHE 6 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
2	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
3	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
4	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
5	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
6	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/hieu-diem-chinh**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

NAKAMURA

Kỳ thi chứng chỉ tháng Chín, ngày nào mình cũng thở dài. Nhiều thứ phải nhớ quá, học thuộc mệt thật sự. Tan làm rồi thì cũng khó mà có thời gian học. Có điều, cái mình lo không phải học thuộc mà là phần luật. Cách viết rối rắm, đọc mà chẳng vào đầu.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

NAKAMURA

九月の資格試験、もう毎日たぬ息ばっかり。覚えることが多すぎて、暗記ってほんとに疲れるんだよね。仕事のあとだと、勉強の時間もなかなか取れないし。たぶん、心配なのは暗記じゃなくて、法律の問題なんだよね。言い方がややこしくて、読んでも頭に入ってこないの。

BÀI 5

CHẶNG 2 · HIỂU YÊU CẦU VÀ ĐIỂM CHÍNH

Lý do, điều kiện trong lời nói nhanh

前金(まえきん)をいただかないことには、お部屋(へや)を押(お)さえられないんです。 — Chưa nhận tiền đặt trước thì chúng tôi không giữ phòng được ạ.

MẸO NGHE

Nghe tới hết câu: điều kiện nằm ở nửa sau

Người nói nhanh nuốt âm, gộp chữ. Lời nói nhanh: ものだから → もんだから (vì), ておく → とく (làm sẵn), てしまう → ちゃう (lỡ, xong mất).

1. ～ないことには (chưa... thì không) luôn kéo theo điều kiện: câu hỏi hay hỏi đúng điều kiện ấy.
2. Sau けど, ところが (nhưng, thế nhưng) ý thường đảo lại.
3. ～もんで, ～もんだから đứng cuối về lý do: phần trước nó là lý do, phần sau là chuyện xảy ra.
4. Nghe "không được" thì đừng dừng: chờ ただ (có điều), ～ば (nếu...) — lối thoát thường ở ngay sau.

急(きゅう)に団体(だんたい)が入(はい)ったもんだから、空(あ)きが少(すく)なくて。

Vì tự nhiên có một đoàn đặt vào nên còn ít phòng trống. (もんだから là ものだから nói nhanh)

前金(まえきん)をいただかないことには、お部屋(へや)を押(お)さえられないんです。

Chưa nhận tiền đặt trước thì chúng tôi không giữ phòng được ạ. — điều kiện: tiền đặt trước.

普段(ふだん)は出(だ)してるんですけど、運転手(うんてんしゅ)が一人(ひとり)辞(や)めちゃって……。

Bình thường thì có chạy, nhưng một tài xế nghỉ mất rồi... — sau けど ý đảo: tháng này không có xe.

Hine: Nghe tới "không giữ phòng" mình đã định nói "vậy em tìm khách sạn khác". May mà anh ấy nói tiếp — điều kiện nằm ngay nửa sau câu.

PHIẾU NGHE 6 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
2	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
3	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
4	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
5	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
6	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/ly-do-dieu-kien-noi-nhanh**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

NHÂN VIÊN

Cảm ơn quý công ty đã luôn hợp tác. Về phòng cho các bạn sinh viên tuần sau, vì tự nhiên có một đoàn đặt vào nên còn ít phòng trống.

HINE

Vâng... Vậy nghĩa là không đặt được phòng ạ?

NHÂN VIÊN

Không, phòng vẫn có ạ. Có điều, chưa nhận tiền đặt trước thì chúng tôi không giữ phòng được ạ. Chị chuyển khoản trước thứ Sáu được không ạ?

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

NHÂN VIÊN

お世話になっております。来週の学生さんのお部屋の件なんですが、急に団体が入ったもんだから、空きが少なくて。

HINE

はい……。では、お部屋は取れないという　ことでしょうか。

NHÂN VIÊN

いえ、お部屋はご ざいます。ただ、前金をいただかないことには、お部屋を押さえられないんです。
きんようびまでにお振り込みいただけますか。

ÔN 2

CHẶNG 2 · HIỂU YÊU CẦU VÀ ĐIỂM CHÍNH

Ôn 2

質問(しつもん)を先(さき)に読(よ)めば、聞(き)くべきところが分(わ)かる。 — Đọc câu hỏi trước thì biết chỗ cần nghe.

CÁC MẸO ĐÃ HỌC đọc lại trước khi nghe

Đọc câu hỏi trước

質問(しつもん)を先(さき)に読(よ)めば、聞(き)くべきところが分(わ)かる。 — Đọc câu hỏi trước thì biết chỗ cần nghe.

Gạch ba việc

Việc đã làm (もう〜てある), việc người khác làm (〜さんがやってくれる), việc để sau (〜でいい): gạch ngay. まず, その前(まえ)に đổi thứ tự.

Điều bị hỏi đến sau

Lý do, điều lo nhất thường đến sau ただ, でも, 実(じつ)は. Lựa chọn sai đều có nhắc trong bài.

Điều kiện nằm ở nửa sau

〜ないことには (chưa... thì không): vế trước là điều kiện phải làm. Sau けど, ところが ý đảo lại.

Ghi lại kiểu sai

Ghi lại kiểu sai: việc đã làm rồi, việc người khác làm, điều nói trước điều lo nhất. 同(おな)じ間違(まちが)いが二回(にかい)あった。どちらも、もう済(す)んだ仕事(しごと)を選(えら)んでいた。 — Có hai lỗi giống nhau: cả hai lần đều chọn việc đã xong.

PHIẾU NGHE 11 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
2	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
3	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
4	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
5	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
6	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
7	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
8	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
9	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
10	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
11	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-2-muoi-mot-cau**

BÀI 6

CHẶNG 3 · Ý CHÍNH, BÀI GIẢNG, TIN TỨC

Hiểu ý chính (がいようりかい)

この 話 は、 結局 何について言っているのか。 — Rốt cuộc bài nói này nói về điều gì?

MẸO NGHE

Tóm một dòng trước khi nghe lựa chọn

Để hiểu ý chính đọc câu hỏi SAU bài nói, lựa chọn chỉ đọc lên. Không có gì in sẵn: ghi 3 từ khoá trong lúc nghe.

1. Ý chính thường ở cuối: つまり (tức là), 要するに (tóm lại), 〜ということです (nghĩa là...).
2. Lựa chọn chỉ đúng một phần nhỏ của bài là bẫy.
3. Nghe ではなく, 〜じゃなくて: điều đứng trước bị gạt, ý chính đứng sau.
4. Nghe xong, tự nói một dòng "bài này nói về..." rồi mới nghe bốn lựa chọn.

話し手は、観光客を減らすべきだとは言っていない。

Người nói không hề nói nên giảm khách du lịch. — lựa chọn "giảm khách" là bẫy ngược ý.

この話は、結局何について言っているのか。

Rốt cuộc bài nói này nói về điều gì? — câu tự hỏi trước khi nghe lựa chọn.

要するに、季節を外すと、その土地の本当の顔に出会えるということです。

Tóm lại, đi lệch mùa thì gặp được gương mặt thật của vùng đất. — 要するに + ということです: ý chính.

Hine: Ba từ mình ghi trên tàu: "đông", "sáng sớm", "chia ra". Ghép lại là đủ một dòng — nghe lựa chọn "giảm khách" mình gạt ngay.

PHIẾU NGHE 5 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
2	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
3	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
4	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
5	Hiểu ý chính	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/hieu-y-chinh**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

NGƯỜI NÓI

Ban ngày, các chùa và con phố nổi tiếng ở Kyoto đông tới mức đi bộ cũng khó. Người dân không lên được xe buýt cũng than phiền. Thế nhưng cùng chỗ đó, sáng sớm và chiều tối lại yên tĩnh đến ngạc nhiên. Những khu phố cách nơi nổi tiếng một chút cũng có rất nhiều thứ đáng xem. Tức là, vấn đề không nằm ở bản thân số khách, mà ở chỗ mọi người dồn về cùng một chỗ vào cùng một giờ. Chia giờ và chia nơi ra thì cả thành phố lẫn khách đều sẽ dễ chịu hơn.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

NGƯỜI NỘI

京都の人気の寺や通りは、昼間、歩くのも難しいほど混み合います。バスに乗れない住民の方からは、困ったという声も聞かれます。どこでも、同じ場所でも、朝早くや夕方は驚くほど静かなんです。有名な場所から少し離れた町にも、見どころはたくさんあります。つまり、問題は観光客の数そのものではなく、同じ時間に同じ場所へ集まることなんです。時間と場所を分ければ、町も観光客も、もっと楽になるはずです。

BÀI 7

CHẶNG 3 · Ý CHÍNH, BÀI GIẢNG, TIN TỨC

Nghe bài giảng, thuyết trình

講師(こうし)は 最初(さいしょ) に、 話(はなし) の 順番(じゅんばん) を言(い)ってくれる。 — Giảng viên nói trước thứ tự bài giảng ngay từ đầu.

MẸO NGHE

Vẽ khung bài giảng trước, điền sau

Bài giảng nào cũng có mở đề, ví dụ, kết luận. Câu mở bài báo thứ tự: まず (trước hết), 次(つぎ)に (tiếp theo), 最後(さいご)に (cuối cùng).

1. Ví dụ mở bằng たとえば (ví dụ): ghi một chữ, đừng ghi chi tiết.
2. Kết luận có このように (như vậy), 以上(いじょう)のことから (từ những điều trên).
3. Ghi bằng ký hiệu: ① ② ③ cho các ý, → cho kết quả, ∵ cho lý do.
4. Mỗi ví dụ hỏi "thầy kể chuyện này để nói gì?" — câu cuối của ví dụ thường trả lời.

第一(だいいち)に自然(しぜん)、第二(だいに)に文化(ぶんか)、最後(さいご)に地域(ちいき)の人々(ひとびと)です。

Thứ nhất là thiên nhiên, thứ hai là văn hoá, cuối cùng là người dân địa phương. — ghi ngay ① ② ③.

講師(こうし)は最初(さいしょ)に、話(はなし)の順番(じゅんばん)を言(い)ってくれる。

Giảng viên nói trước thứ tự bài giảng ngay từ đầu. — khung bài giảng có sẵn trong vài câu đầu.

来(く)る人(ひと)を止(と)めるのではなく、来(く)る人(ひと)に守(まも)ってもらう仕組(しく)みです。

Không phải chặn người đến, mà là cách để người đến cùng giữ gìn. — câu chốt của ví dụ ①.

Hine: Mình vẽ sẵn ① ② ③ ngay khi thầy nói thứ tự. Bốn mươi phút mà tờ ghi chú chỉ có mười dòng — Nakamura mượn xem rồi bảo: "Nhìn là hiểu cả bài."

PHIẾU NGHE 5 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu ý chính Đoạn 1/5 · mở đề.	1 2 3 4	
2	Hiểu ý chính Đoạn 2/5 · ví dụ thứ nhất.	1 2 3 4	
3	Hiểu ý chính Đoạn 3/5 · ví dụ thứ hai.	1 2 3 4	
4	Hiểu ý chính Đoạn 4/5 · ví dụ thứ ba.	1 2 3 4	
5	Hiểu ý chính Đoạn 5/5 · kết luận.	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/nghe-bai-giang**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

GIẢNG VIÊN

Chào các bạn. Hôm nay tôi sẽ nói khoảng 40 phút. Giữa chừng muốn hỏi thì cứ ghi lại, cuối buổi tôi dành thời gian. Ngoài ra, slide tôi sẽ phát sau nên không cần chép lại. Các bạn hãy tập trung nghe.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

GIẢNG VIÊN

皆さん、こんにちは。今日は四十分ほど話します。途中で質問したくなっても、最後に時間を取りますので、メモしておいてください。それから、スライドは後で配りますから、書き写す必要はありません。聞くことに集中してください。

BÀI 8

CHẶNG 3 · Ý CHÍNH, BÀI GIẢNG, TIN TỨC

Nghe tin tức, phỏng vấn

前年に比べて、　外国人観光客　は二割増えた。 — So với năm trước, khách du lịch nước ngoài tăng 20%.

MẸO NGHE

Số nào cũng đi kèm mốc

Bản tin nói con số rất nhanh, và thường bằng tỉ lệ. Tỉ lệ kiểu Nhật: 一割 (10%), 二割 (20%), 半数 (một nửa số), 倍 (gấp đôi).

1. Ghi số kèm mốc: "tăng 20% / so với năm trước".
2. Phỏng vấn: câu hỏi hay hỏi ý người được phỏng vấn, không phải ý phóng viên.
3. Hai mốc trong một tin (前年 năm trước, 前月 tháng trước): ghi riêng hai dòng, đừng gộp.
4. Người được phỏng vấn nói "〜はうれしいんですが" (vui thì vui, nhưng...): ý thật ở nửa sau.

一割は10パーセント、半減は半分になることだ。
一割 là 10%, 半減 là giảm còn một nửa.

前年に比べて、　外国人観光客　は二割増えた。
So với năm trước, khách du lịch nước ngoài tăng 20%. — ghi "+20% / năm trước".

客が増えるのは　うれしいんですが、働く人が増えないと、これ以上は難しいですね。
Khách tăng thì vui, nhưng người làm không tăng thì khó hơn nữa. — ý thật ở sau んですが.

Hine: Sổ của mình tối đó có ba dòng: "khách nước ngoài tháng 8: +20% / năm trước", "~ tháng 7: như cũ", "Hakone: khách gấp đôi, thiếu người". Thiếu mốc là ba dòng ấy vô nghĩa.

PHIẾU NGHE 6 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
2	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
3	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
4	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
5	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
6	Hiểu ý chính	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/nghe-tin-tuc-phong-van**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

PHÁT THANH VIÊN

Cơn bão đi qua vùng Kanto hôm qua đã ra biển phía đông. Ngày mai Tokyo trời nắng, nhiệt độ dự kiến cao hơn mọi năm khoảng 2 độ. Có điều, nhiều chỗ nước sông vẫn còn lớn, mọi người được khuyên không lại gần bờ sông.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

PHÁT THANH VIÊN

昨日 関東を 通過した 台風は、 すでに 東の 海上へ 抜けました。 明日の 東京は 晴れて、 気温は 平年より 二度ほど 高くなる 見込みです。 ただ、 川の水は まだ 多いところが あり、 川べりには 近づかないよう 呼びかけています。

BÀI 9

CHẶNG 4 · ĐÁP NHANH

Đáp nhanh (そくじおうとう)

「よくもまあ、一晩でここまで仕上げたね」は、褒め言葉だ。 — "Làm sao mà chỉ một đêm đã xong tới mức này" là lời khen.

MẸO NGHE

Đoán loại câu trước, nghe câu đáp sau

Đáp nhanh N1 không in gì trên tờ đề, và câu nói chỉ dài một hơi. Trước hết đoán câu kia đang khen, trách, mời hay nhờ. Đoán đúng loại câu là đã loại được một nửa câu đáp.

1. Khen → cảm ơn, khiêm tốn · trách → xin lỗi, sửa ngay · mời → nhận hoặc từ chối khéo · nhờ → nhận việc, hẹn lúc làm.
2. Câu đáp lặp lại từ trong câu nói thường là bẫy.
3. Câu hỏi về việc mình làm sai ("vẫn để của tuần trước à?") là câu trách, không phải câu hỏi: đừng đáp "vâng".
4. Mỗi câu chỉ khoảng 10 giây: chọn rồi quên ngay.

よくもまあ、一晩でここまで仕上げたね。

Làm sao mà chỉ một đêm em đã làm xong tới mức này nhỉ. — câu khen: cảm ơn, khiêm tốn.

この数字、去年のままじゃない？

Con số này vẫn để của năm ngoái à? — hình thức là câu hỏi, ý là trách: xin lỗi rồi sửa.

恐れ入りますが、資料をもう一部いただけますか。

Xin lỗi làm phiền, cho tôi xin thêm một bản tài liệu được không ạ? — câu nhờ của khách: nhận việc, hẹn lúc gửi.

PHIẾU NGHE 11 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Đáp nhanh Chị Kimura xem slide Hine vừa sửa.	1 2 3	
2	Đáp nhanh Trưởng nhóm Hayashi xem bảng báo giá của Hine.	1 2 3	
3	Đáp nhanh Gần hết giờ, Tanaka quay sang bàn Hine.	1 2 3	
4	Đáp nhanh Một khách gọi điện tới phòng khách đoàn.	1 2 3	
5	Đáp nhanh Trưởng nhóm Hayashi vừa nói chuyện điện thoại với đối tác.	1 2 3	
6	Đáp nhanh Chị Kimura đưa Hine một email tiếng Nhật.	1 2 3	
7	Đáp nhanh Hine vừa bước vào phòng họp thì cuộc họp đã chạy.	1 2 3	
8	Đáp nhanh Một đồng nghiệp phòng bên ghé bàn Hine.	1 2 3	
9	Đáp nhanh Hôm qua Tanaka ra ngoài, Hine nghe máy giúp anh.	1 2 3	
10	Đáp nhanh Chị Kimura đọc email Hine vừa gửi cho đối tác.	1 2 3	
11	Đáp nhanh Trưởng nhóm Hayashi vừa nhận một cuộc họp trùng giờ.	1 2 3	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/dap-nhanh-cong-so**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

Chị Kimura đọc xong bản đề xuất Hine làm đêm qua.

CHỊ KIMURA

Làm sao mà chỉ một đêm em đã làm xong tới mức này nhỉ.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

CHỊ KIMURA よくもまあ、一晩(ひとばん)でここまで仕上(しあ)げたね。

BÀI 10

CHẶNG 4 · ĐÁP NHANH

Đáp câu nói vòng, mỉa mai

「さすがだね」も、言い方によっては皮肉になる。 — "Đúng là giỏi thật" tuỳ cách nói có thể thành câu mỉa.

MẸO NGHE

Khen đặt sai chỗ là mỉa

Câu khen đặt trong tình huống người kia vừa làm sai thì gần như chắc là mỉa. Giọng máy khó đọc ra giọng mỉa, nên mỗi câu trong bài có một dòng tình huống: đọc nó trước, rồi mới nghe.

1. よく言うよ (nói hay nhỉ), 結構なご身分だね (sướng nhỉ) gần như luôn là trêu hoặc trách.
2. Nửa sau câu lộ ý thật: 〜くせに (vậy mà...), 〜って言ってなかった？ (chẳng phải đã nói... sao?).
3. Giọng kéo dài, lên cao ở cuối (さすが〜) thường là trêu; giọng ngắn, rõ là khen thật.
4. Đáp câu mỉa: cười cho qua hoặc nhận lỗi nhẹ, đừng cảm ơn.

よく言うよ。自分だって遅刻したくせに。

Nói hay nhỉ. Chính cậu cũng đi muộn đấy thôi. — 〜くせに ở nửa sau cho thấy よく言うよ là trách.

さすが、責任感が強いね。

Đúng là có trách nhiệm ghê. — nói ngay sau chuyện ngủ gục lúc trực: trêu.

「さすがだね」も、言い方によっては皮肉になる。

"Đúng là giỏi thật" tuỳ cách nói có thể thành câu mỉa.

Hine: Lúc Nakamura nói "đúng là có trách nhiệm ghê", mình suýt cảm ơn thật. May mà nghe ra giọng kéo dài, và thấy Tanaka đang cười.

PHIẾU NGHE 8 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Đáp nhanh Hine đến muộn mười phút vì tàu chậm sau bão.	1 2 3	
2	Đáp nhanh Hine vừa nói đang ăn kiêng, rồi gọi thêm một phần bánh ngọt.	1 2 3	
3	Đáp nhanh Hine vừa tuyên bố từ mai sẽ đến sớm ba mươi phút.	1 2 3	
4	Đáp nhanh Giờ nghỉ trưa, Hine vừa ăn cơm hộp vừa xem phim trên điện thoại.	1 2 3	
5	Đáp nhanh Hine lỡ gửi email riêng cho Nakamura tới cả phòng.	1 2 3	
6	Đáp nhanh Hôm qua Hine than hết tiền; hôm nay cô khoe vừa mua một chiếc túi mới.	1 2 3	
7	Đáp nhanh Hine hỏi Tanaka cùng một câu về bảng giờ lần thứ ba trong ngày.	1 2 3	
8	Đáp nhanh Hine vừa giải thích lịch trình cho một khách người Việt bằng tiếng Việt, khách gật đầu liên tục.	1 2 3	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/dap-cau-mia-mai**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

Tanaka vừa kể đêm trực bão Hine ngủ gục trên bàn lúc 3 giờ sáng.

NAKAMURA

Đúng là có trách nhiệm ghê.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

NAKAMURA さすが、責任感が強いね。
せきにんかん つよ

ÔN 3

CHẶNG 4 · ĐÁP NHANH

Ôn 3

短い一言にも、本音が隠れている。 — Ngay một câu ngắn cũng giấu ý thật.

CÁC MẸO ĐÃ HỌC đọc lại trước khi nghe

Tóm một dòng
Hiểu ý chính: nghe xong tóm cả đoạn bằng một dòng, rồi mới nghe lựa chọn. Lựa chọn chỉ đúng một chi tiết là bẫy.

Câu lặp từ là bẫy
Câu đáp lặp lại chữ của câu nói (nhất là đảo chiều いただく / くださる) thường sai.

Nhại theo cả giọng
Câu đáp nhanh sai nhiều thì nghe lại và nhại theo cả giọng, không chỉ chữ. 皮肉を褒め言葉だと思ってしまった。 — Mình đã tưởng câu mỉa là lời khen.

Đoán loại câu
Đáp nhanh: khen, trách, mời hay nhờ? Đoán trước, rồi chọn câu đáp hợp loại.

Khen sai chỗ là mỉa
Vừa làm sai mà được khen thì là trêu: cười cho qua hoặc nhận lỗi nhẹ, đừng cảm ơn.

PHIẾU NGHE 16 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
2	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
3	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
4	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
5	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
6	Đáp nhanh	1 2 3	
7	Đáp nhanh	1 2 3	
8	Đáp nhanh	1 2 3	
9	Đáp nhanh	1 2 3	
10	Đáp nhanh	1 2 3	
11	Đáp nhanh	1 2 3	
12	Đáp nhanh	1 2 3	
13	Đáp nhanh	1 2 3	
14	Đáp nhanh	1 2 3	
15	Đáp nhanh	1 2 3	
16	Đáp nhanh	1 2 3	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-3-mot-cau-ngan**

BÀI 11

CHẶNG 5 · NGHE TỔNG HỢP

Nghe tổng hợp 1: ba người bàn (とうごうりかい)

結局 、 三人 は町家の宿に決めた。 — Rốt cuộc ba người chọn nhà trọ kiểu nhà phố cổ.

MẸO NGHE

Bảng ba cột: ai, ý gì, đồng ý hay không

Nghe tổng hợp phần 1 không in lựa chọn: ba, bốn người bàn, nghe hết mới có câu hỏi và bốn lựa chọn đọc lên. Kẻ bảng ba cột trước khi nghe: tên, ý, đồng ý hay không.

1. Ghi tên bằng chữ đầu (H, K, T), mỗi ý chỉ một từ: "rẻ", "gần phố cổ", "suối nóng".
2. Ý bị bác giữa chừng vẫn có trong lựa chọn: đó là bẫy. Dấu hiệu bị bác: ただ (có điều), ～と大変(たいへん)ですよ (... thì vất vả lắm).
3. Người có quyền quyết (trưởng nhóm) thường nói câu chốt ở cuối: よし (được), それで決(き)まり (chốt vậy), ～にしよう (chọn ...).

林課長(はやしかちょう)は値段(ねだん)、木村(きむら)さんは場所(ばしょ)を重視(じゅうし)している。

Trưởng nhóm Hayashi coi trọng giá, chị Kimura coi trọng vị trí. — dòng đầu tiên của bảng: mỗi người một tiêu chí.

荷物(にもつ)を持(も)って宿(やど)を替(か)えるのは、団体(だんたい)だと大変(たいへん)ですよ。

Đoàn đông mà xách hành lý đổi chỗ trọ thì vất vả lắm. — gạch ý "mỗi nơi một đêm".

値段(ねだん)が変(か)わらないなら、話(はなし)は別(べつ)だ。よし、そこで行(い)こう。

Giá không chênh thì khác chuyện. Được, chọn chỗ đó. — người quyết đổi ý và chốt.

結局(けっきょく)、三人(さんにん)は町家(まちや)の宿(やど)に決(き)めた。

Rốt cuộc ba người chọn nhà trọ kiểu nhà phố cổ.

Hine: Bảng của mình chiều đó chỉ có ba dòng: "H: rẻ → đổi", "K: gần phố cổ ✓", "T: ryokan ✗, mỗi nơi một đêm ✗". Họp xong anh Hayashi hỏi chốt gì, mình đọc luôn dòng có dấu ✓.

PHIẾU NGHE 2 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Nghe tổng hợp	1 2 3 4	
2	Nghe tổng hợp	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/nghe-tong-hop-ba-nguoi-ban**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI
Buổi dạo phố, sáng xuất phát mấy giờ thì hợp?

TANAKA
7 giờ, lúc còn vắng người, thì sao ạ? Chụp ảnh cũng đẹp.

CHỊ KIMURA
7 giờ thì em nghĩ không kịp ăn sáng. Bữa sáng ở chỗ trọ bắt đầu từ 7 rưỡi.

TANAKA
Vậy 9 giờ ạ?

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI
9 giờ thì đầy khách du lịch rồi. Nhờ bên trọ dọn bữa sáng sớm hơn, 8 giờ đi.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI 町歩きは、朝何時に出発するのがいいと思う？

TANAKA 人が少ない七時ぐらいでしょう。写真もきれいに撮れますし。

CHỊ KIMURA 七時だと、朝食が間に合わないと思います。宿の朝食は七時半からですから。

TANAKA じゃあ、九時ですか。

TRƯỞNG NHÓM HAYASHI 九時だと観光客でいっぱいに なるから。朝食を早めてもらって、八時に出よう。

BÀI 12

CHẶNG 5 · NGHE TỔNG HỢP

Nghe tổng hợp 2: thông tin rồi hai người chọn

男の人は二番、女の人は四番を選んだ。 — Người nam chọn số 2, người nữ chọn số 4.

MẸO NGHE

Bốn dòng đặc điểm, hai cột cho hai người

Phần cuối của nghe tổng hợp có hai lượt: đoạn thông tin đọc bốn lựa chọn, rồi hai người bàn. Ghi mỗi lựa chọn 2–3 đặc điểm (gần ga, có núi, giá) trong lúc nghe phần thông tin.

1. Câu hỏi hỏi riêng người nam, người nữ: ghi ý mỗi người sang hai cột.
2. Lựa chọn người kia gợi ý mà mình không nhận (じゃあ三番は？ · vậy số 3 thì sao?) là bẫy.
3. Người nói hay đổi ý ở câu cuối: やっぱり (thôi thì) là dấu hiệu.

露天風呂があって、しかも駅から近いところがいい。

Chỗ nào có bồn tắm ngoài trời, mà lại gần ga thì hay. — hai điều kiện: dò bốn dòng đặc điểm, chỉ một chỗ đủ cả hai.

やっぱり、登山口の二番だな。

Thôi thì chọn số 2 ở chân núi. — やっぱり đặt dấu chốt ở câu cuối.

男の人は二番、女の人は四番を選んだ。

Người nam chọn số 2, người nữ chọn số 4.

Hine: Mình ngồi đối diện, ghi bốn dòng lên mặt sau tờ thực đơn: "1 tuyết, xa · 2 núi, không bồn ngoài trời · 3 trước ga, đồ ăn · 4 gần ga, sông, bồn ngoài trời". Hai người còn chưa ăn xong, mình đã biết ai chọn số mấy.

PHIẾU NGHE 2 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Nghe tổng hợp	1 2 3 4	
2	Nghe tổng hợp	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/nghe-tong-hop-hai-nguoi-chon**

CHÉP CHÍNH TÀ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

PHÁT THANH VIÊN

Xin giới thiệu bốn món gợi ý hôm nay. Thứ nhất là suất cá nướng: cá thu béo, cơm thêm thoải mái. Thứ hai là mì udon nấu nồi: nóng hổi, ấm cả người. Thứ ba là cơm cà ri: hôm nay nhiều rau. Thứ tư là suất salad: lượng ít, ít ca-lo.

TANAKA

Lạnh thế này chắc ăn udon nồi. Nhưng chỉ udon thì không trụ nổi tới chiều... Được, chọn món được thêm cơm.

NAKAMURA

Em muốn ăn nhiều rau nên chọn cà ri ạ.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

PHÁT THANH VIÊN

本日のおすすめを四つご紹介します。一つ目は焼き魚 定食。脂ののったサバで、ご飯のおかわりが自由です。二つ目は鍋焼きうどん。熱々で、体が温まります。三つ目はカレーライス。今日は野菜がたっぷり入っています。四つ目はサラダランチ。量は少なめで、カロリー控えめです。

TANAKA

寒いから鍋焼きうどんかなあ。でも、うどんだけじゃ午後までもたないんだよな……。よし、おかわりできる ほうにする。

NAKAMURA

わたしは野菜をたくさん食べたいので、カレーにします。

BÀI 13

CHẶNG 5 · NGHE TỔNG HỢP

Ghi chú khi nghe dài

数字と固有名詞だけは、必ず書き留める。 — Riêng con số và tên riêng thì nhất định phải ghi lại.

MẸO NGHE

Số, tên, một ý một dòng

Bài nói 4–5 phút không ai nhớ hết. Ghi đúng ba thứ: con số, tên riêng, ý chính — bằng ký hiệu, đừng chép lời.

1. Ghi số kèm đơn vị và mốc: "+10% / mục tiêu".
2. Viết tắt bằng chữ đầu: HCĐ cho "Hai cố đô".
3. Đừng cố ghi đủ câu: một ý một dòng, tối đa 5 chữ.
4. Ký hiệu gợi ý: ↑ tăng, ↓ giảm, ∵ vì, → kết quả, ★ chỗ người nói nhấn (sau ただ, 一番).

上半期の売上は、目標を一割上回った。

Doanh thu nửa đầu năm vượt mục tiêu 10%. — ghi: "DT nửa đầu +10% / mục tiêu".

前年に比べて三割増えました。

So với năm trước tăng 30%. — ghi: "đoàn ĐNA +30% / năm trước", mốc so khác dòng trên.

数字と固有名詞だけは、必ず書き留める。

Riêng con số và tên riêng thì nhất định phải ghi lại.

Hine: Tờ của mình đủ ý mà thiếu hai con số: +30% khách đoàn và 20 hướng dẫn viên. Tờ của Nakamura đủ số mà không có tên tour. Ghép hai tờ lại mới thành một bản đủ.

PHIẾU NGHE 5 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu ý chính Đoạn 1/5 · kết quả nửa đầu năm.	1 2 3 4	
2	Hiểu ý chính Đoạn 2/5 · lý do tăng.	1 2 3 4	
3	Hiểu ý chính Đoạn 3/5 · vấn đề đang gặp.	1 2 3 4	
4	Hiểu ý chính Đoạn 4/5 · hướng mới.	1 2 3 4	
5	Hiểu ý chính Đoạn 5/5 · kết luận.	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/ghi-chu-khi-nghe-dai**

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu mẫu trên web rồi viết lại câu Nhật; nghĩa đã in sẵn

GIÁM ĐỐC

Chào buổi sáng mọi người. Hôm nay tôi xin khoảng năm phút. Điều tôi muốn nói có ba. Một là kết quả nửa đầu năm tài chính này. Hai là những vấn đề chúng ta đang gặp. Và cuối cùng là hướng đi mới cho năm tài chính tới. Số liệu chi tiết tôi sẽ phát tài liệu sau, trước hết mọi người hãy nắm mạch chung.

Lời thoại · chép xong mới lật ngược sổ để so

GIÁM ĐỐC

皆さん、おはようございます。今日は五分ほどお時間をいただきます。お話ししたいことは三つです。一つは、今年度上半期の結果。二つ目は、私たちが抱えている課題。そして最後に、来年度に向けた新しい方向です。細かい数字は後で資料をお配りしますが、まずは全体の流れをつかんでください。

ÔN
4

CHẶNG 5 · NGHE TỔNG HỢP

Ôn 4

三十分 の 問題 でも、本番 のつもりで聞く。 — Dù chỉ là đề 30 phút cũng nghe như thi thật.

CÁC MẸO ĐÃ HỌC đọc lại trước khi nghe

Hiểu yêu cầu
Gạch việc đã làm, việc người khác làm, việc để sau — còn lại là việc làm trước tiên.

Hiểu điểm chính
Dùng 20 giây đọc lựa chọn. Lý do thật, điều lo nhất đến sau ただ, でも, 実は.

Hiểu ý chính
Nghe hết, tóm một dòng, rồi mới nghe lựa chọn. Lựa chọn chỉ đúng một chi tiết là bẫy.

Đáp nhanh
Đoán khen, trách, mời hay nhờ. Khen đặt sai chỗ là mỉa: đừng cảm ơn.

Nghe tổng hợp
Bảng ba cột: tên, ý, đồng ý hay không. Người quyết chốt ở cuối; ý bị bác vẫn nằm trong lựa chọn.

Không dừng
Đề thật không dừng giữa các câu: tập chuyển câu ngay khi nghe tiếng báo hiệu. 止めずに最後まで聞いてから、まとめて答え合わせをする。 — Nghe một mạch tới cuối, không dừng, rồi mới dò đáp án một lượt.

PHIẾU NGHE 14 câu · nghe một lần, tô ô số, ghi chú

CÂU	DẠNG	TÔ ĐÁP ÁN	GHI CHÚ KHI NGHE
1	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
2	Hiểu yêu cầu	1 2 3 4	
3	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
4	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
5	Hiểu điểm chính	1 2 3 4	
6	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
7	Hiểu ý chính	1 2 3 4	
8	Đáp nhanh	1 2 3	
9	Đáp nhanh	1 2 3	
10	Đáp nhanh	1 2 3	
11	Đáp nhanh	1 2 3	
12	Đáp nhanh	1 2 3	
13	Đáp nhanh	1 2 3	
14	Nghe tổng hợp	1 2 3 4	

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-4-de-rut-gon**

ĐỀ 1

CHẶNG 6 · HAI ĐỀ NGHE THỬ

Đề nghe thử 1

聞き逃した 問題 は、すぐに忘れる。 — Câu nghe sót thì quên ngay.

PHIẾU TÔ ĐÁP ÁN 30 câu · nghe một lần, tô một ô mỗi câu

Hiểu yêu cầu 5 câu · câu 1–5

1 (1) (2) (3) (4) 2 (1) (2) (3) (4) 3 (1) (2) (3) (4) 4 (1) (2) (3) (4)

5 (1) (2) (3) (4)

Hiểu điểm chính 6 câu · câu 6–11

6 (1) (2) (3) (4) 7 (1) (2) (3) (4) 8 (1) (2) (3) (4) 9 (1) (2) (3) (4)

10 (1) (2) (3) (4) 11 (1) (2) (3) (4)

Hiểu ý chính 5 câu · câu 12–16

12 (1) (2) (3) (4) 13 (1) (2) (3) (4) 14 (1) (2) (3) (4) 15 (1) (2) (3) (4)

16 (1) (2) (3) (4)

Đáp nhanh 11 câu · câu 17–27

17 (1) (2) (3) 18 (1) (2) (3) 19 (1) (2) (3) 20 (1) (2) (3)

21 (1) (2) (3) 22 (1) (2) (3) 23 (1) (2) (3) 24 (1) (2) (3)

25 (1) (2) (3) 26 (1) (2) (3) 27 (1) (2) (3)

Nghe tổng hợp 3 câu · câu 28–30

28 (1) (2) (3) (4) 29 (1) (2) (3) (4) 30 (1) (2) (3) (4)

TỰ CHẤM THEO DẠNG dạng nào đúng dưới hai phần ba thì ôn bài ghi bên phải

DẠNG	SỐ CÂU	ĐÚNG	ÔN BÀI
Hiểu yêu cầu	5	_____ / 5	Ôn 2 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-2-muoi-mot-cau
Hiểu điểm chính	6	_____ / 6	Ôn 2 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-2-muoi-mot-cau
Hiểu ý chính	5	_____ / 5	Ôn 3 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-3-mot-cau-ngan
Đáp nhanh	11	_____ / 11	Ôn 3 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-3-mot-cau-ngan
Nghe tổng hợp	3	_____ / 3	Ôn 4 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-4-de-rut-gon

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/de-nghe-thu-1**

ĐỀ 2

CHẶNG 6 · HAI ĐỀ NGHE THỬ

Đề nghe thử 2

耳が本番の速さに慣れてきた。 — Tai đã quen tốc độ thi thật.

PHIẾU TÔ ĐÁP ÁN 30 câu · nghe một lần, tô một ô mỗi câu

Hiểu yêu cầu 5 câu · câu 1–5

1 (1) (2) (3) (4) 2 (1) (2) (3) (4) 3 (1) (2) (3) (4) 4 (1) (2) (3) (4)
5 (1) (2) (3) (4)

Hiểu điểm chính 6 câu · câu 6–11

6 (1) (2) (3) (4) 7 (1) (2) (3) (4) 8 (1) (2) (3) (4) 9 (1) (2) (3) (4)
10 (1) (2) (3) (4) 11 (1) (2) (3) (4)

Hiểu ý chính 5 câu · câu 12–16

12 (1) (2) (3) (4) 13 (1) (2) (3) (4) 14 (1) (2) (3) (4) 15 (1) (2) (3) (4)
16 (1) (2) (3) (4)

Đáp nhanh 11 câu · câu 17–27

17 (1) (2) (3) 18 (1) (2) (3) 19 (1) (2) (3) 20 (1) (2) (3)
21 (1) (2) (3) 22 (1) (2) (3) 23 (1) (2) (3) 24 (1) (2) (3)
25 (1) (2) (3) 26 (1) (2) (3) 27 (1) (2) (3)

Nghe tổng hợp 3 câu · câu 28–30

28 (1) (2) (3) (4) 29 (1) (2) (3) (4) 30 (1) (2) (3) (4)

TỰ CHẤM THEO DẠNG dạng nào đúng dưới hai phần ba thì ôn bài ghi bên phải

DẠNG	SỐ CÂU	ĐÚNG	ÔN BÀI
Hiểu yêu cầu	5	_____ / 5	Ôn 2 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-2-muoi-mot-cau
Hiểu điểm chính	6	_____ / 6	Ôn 2 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-2-muoi-mot-cau
Hiểu ý chính	5	_____ / 5	Ôn 3 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-3-mot-cau-ngan
Đáp nhanh	11	_____ / 11	Ôn 3 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-3-mot-cau-ngan
Nghe tổng hợp	3	_____ / 3	Ôn 4 hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/on-4-de-rut-gon

Nghe (một lần), mở lời thoại có nghĩa từng câu: **hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1/de-nghe-thu-2**

CUỐI SỔ

6 bẫy tai *của người Việt*

Những chỗ tai người Việt hay trượt trong phần nghe. Nghe từng chữ trên web ở trang khoá; chữ Nhật nào cũng có nghĩa bên cạnh.

そのにっていですと、ちょっと…
Lịch đó thì hơi... — tức là không được

かんがえておきます
Để tôi suy nghĩ — thường là từ chối

じゃなくて
À không — ý vừa nói bị bỏ

まえきんを いただかないことには
Chưa nhận tiền đặt trước thì... — điều kiện phải làm trước

ようするに
Tóm lại — ý chính ở ngay sau

ぜんねんに くらべて にわり ふえた
So với năm trước tăng 20% — nhớ cả số lẫn mốc so

Đáp án mọi câu đề (số thứ tự lựa chọn đúng). Lật ngược sổ để xem:

Bài mở	1→3 2→4 3→2 4→3 5→1
Bài 1	1→3 2→2 3→1 4→2 5→4
Bài 2	1→3 2→2 3→1 4→3 5→2 6→1
Bài 3	1→2 2→3 3→1 4→4 5→2
Bài 4	1→4 2→3 3→1 4→2 5→1 6→4
Bài 5	1→1 2→3 3→4 4→2 5→1 6→3
Bài 6	1→2 2→4 3→1 4→3 5→2
Bài 7	1→3 2→2 3→4 4→1 5→3
Bài 8	1→1 2→4 3→3 4→3 5→4 6→1
Bài 9	1→1 2→3 3→3 4→2 5→1 6→1 7→3 8→2 9→2 10→3 11→1
Bài 10	1→1 2→2 3→1 4→2 5→3 6→2 7→3 8→1
Bài 11	1→2 2→4
Bài 12	1→2 2→4
Bài 13	1→3 2→2 3→1 4→4 5→3
Đề thử 1	1→2 2→4 3→1 4→3 5→4 6→3 7→1 8→2 9→4 10→1 11→3 12→2 13→4 14→1 15→3 16→2 17→2 18→3 19→1 20→1 21→2 22→3 23→3 24→1 25→2 26→3 27→2 28→4 29→1 30→3
Đề thử 2	1→3 2→1 3→4 4→2 5→1 6→2 7→3 8→1 9→4 10→3 11→2 12→1 13→4 14→2 15→3 16→1 17→2 18→3 19→2 20→1 21→2 22→3 23→2 24→1 25→2 26→3 27→2 28→3 29→2 30→4
Bài 1	1→3 2→2 3→1 4→2 5→4
Ôn 1	1→4 2→1 3→3 4→2 5→4 6→1 7→3 8→2 9→3 10→1
Bài 4	1→4 2→3 3→1 4→2 5→1 6→4
Ôn 2	1→2 2→4 3→1 4→3 5→2 6→1 7→3 8→4 9→2 10→1 11→3
Bài 7	1→3 2→2 3→4 4→1 5→3
Bài 9	1→1 2→3 3→3 4→2 5→1 6→1 7→3 8→2 9→2 10→3 11→1
Ôn 3	1→2 2→4 3→1 4→3 5→2 6→1 7→3 8→2 9→2 10→1 11→3 12→3 13→2 14→1 15→1 16→2
Bài 12	1→2 2→4
Ôn 4	1→3 2→1 3→4 4→2 5→1 6→4 7→3 8→3 9→1 10→2 11→2 12→3 13→1 14→2

HỌC TIẾP TRÊN WEB

Nghe từng câu, mở lời thoại có nghĩa, nghe lại từng câu, làm đề thử đúng thời gian

hinelearn.com/japanese/nghe-hieu-n1 · miễn phí, không cần đăng nhập